TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày 02-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI C HỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Dược
2. Bà Lương Thị Diện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Xuân, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiể m sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị C** - Sinh năm 1966; Tên gọi khác: Không

Nơi sinh: Xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Phạm Bá C, đã chết; Con bà: Lương Thị P, đã chết; Chồng: Lương Ngọc T, sinh năm 1960; Con có 04 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2020 chuyển tạm giam ngày 30/7/2020, hiện đang bị Tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Hà Văn K, trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Lương Ngọc T, sinh năm 1960.
- Chị Lương Thị T, sinh năm 2002.

Đề trú tại: Bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20^{h}00’ ngày 21/7/2020 Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa đang thực hiện nhiệm vụ tại bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa thì phát hiện tại nhà Phạm Thị C có biểu hiện nghi vấn về tội phạm ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Khi Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì Phạm Thị C đang ngồi cạnh cửa sổ tầng 2, sáu đó bị cáo dùng tay ném 01 túi xách màu nâu hồng qua của sổ. Tổ công tác tiến hành bắt quả tang đối với Phạm Thị C và phát hiện tại vị trí Phạm Thị C đang ngồi có 02 gói giấy màu trắng, loại giấy có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng ngà nghi là hêrôin, 01 viên nén hình tròn màu hồng; 01gói nilon màu hồng bên trong chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng nghi là ma túy tổng hợp. Đồng thời, Tổ công tác yêu cầu Phạm Thị C nhặt chiếc túi xách lên, C khai nhận đó là túi xách mình, do C ném ra, kiểm tra phát hiện bên trong túi xách có 01 túi nilon màu trắng có rãnh khóa bên trong chứa 155 viên nén hình tròn màu hồng và 02 viên nén hình tròm màu xanh nghi là ma túy tổng hợp; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng vàng, bên trong chứa 21 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh nghi là ma túy tổng hợp; 01 lọ nhựa màu trắng được bọc bằng băng dính màu đen, nắp đậy màu trắng, bên trong chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng nghi là ma túy tổng hợp và 10 gói giấy nhỏ màu trắng, loại giấy có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng ngà nghi là hêrôin; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng, bên trong chứa 03 gói giấy nhỏ màu trắng, loại giấy có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng ngà nghi là hêrôin; 01 ví da màu đỏ sẫm, bên trong ví có số tiền 2.816.000^{đ} (Hai triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng chẵn), Tổ công tác đã tiến hành niêm phong toàn bộ vật chứng.

Về nguồn gốc số ma túy này, Phạm Thị C khai nhận: Ngày 15/7/2020 Phạm Thị C mua của một người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá là 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng chẵn). Sau khi mua được ma túy thì Phạm Thị C chia nhỏ số ma túy này ra thành nhiều túi, lọ, gói khác nhau, mục đích là để cho dễ dàng cất dấu vào các vị trí khác nhau trong nhà, để bị cáo sử dụng dần, vì bị cáo là người nghiện chất ma túy. Nhưng bị cáo chưa kịp cất dấu thì bắt quả tang, thu giữ toàn bộ ma túy; Đối với số tiền bị thu giữ, bị cáo khai là tiền bị cáo bán đồi luồng của gia đình mà có, tiền của con gái bị cáo gửi để mua đồ dùng sinh hoạt cho cháu và tiền của bị cáo.

Sau khi bắt quả tang bị cáo, Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo, nhưng không thu giữu gì thêm.

Tại bản kết luận giám định số 1996/PC09 ngày 27/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Chất bột màu trắng ngà trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,025g (không phẩy không hai lăm

gam) loại: Hêrôin;

- 02 viên nén hình trụ tròn màu hồng trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,195g (không phẩy một chín lăm gam) loại: Methamphetamine;

- 155 viên nén hình trụ tròn màu hồng trong 01 túi nilon màu trắng có rãnh khóa của hộp giấy ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 15,523g (mười lăm phẩy năm hai ba gam) loại: Methamphetamine;

- 02 viên nén hình trụ tròn màu xanh trong 01 túi nilon màu trắng có rãnh khóa của hộp giấy ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,170g (không phẩy một bảy mươi gam) loại: Methamphetamine;

- 21 viên nén hình trụ tròn màu hồng trong 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng vàng của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 2,105g (hai phẩy một không năm gam) loại: Methamphetamine;

- 01 viên nén hình trụ tròn màu xanh trong 01 lọ màu trắng có nắp đậy màu trắng vàng của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,085g (không phẩy không tám năm gam) loại: Methamphetamine;

- 01 viên nén hình trụ tròn màu hồng trong 01 lọ màu trắng được bọc băng dính màu đen, có nắp đậy màu trắng của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,096g (không phẩy không chín sáu gam) loại: Methamphetamine;

- Chất bột màu trắng ngà trong 01 lọ nhựa màu trắng được bọc băng dính màu đen có nắp đậy màu trắng của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,132g (không phẩy một ba hai gam) loại: Hêrôin;

- Chất bột màu trắng ngà trong 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,032g (không phẩy không ba hai gam) loại: Hêrôin;

- Cục chất bột màu trắng ngà trong 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu trắng của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,257g (không phẩy hai năm bảy gam) loại: Hêrôin.

Quá trình điều tra, Phạm Thị C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mục đích là bị cáo tàng trữ trái phép chất là để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích nào khác, vì bị cáo là người nghiện chất ma túy, không ai biết bị cáo tàng trữ ma túy.

Quá trình điều tra thì bị cáo Phạm Thị C đã lập biên bản về việc ủy quyền cho chồng là Lương Ngọc T để giải quyết số tiền 2.816.000^{đ} bị thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-QH ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Phạm Thị C về tội "Tàng trữ trái phép chất

ma túy” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo là phụ nữ, lại không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bị cáo Phạm Thị Chừng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, 2 điều 51; điểm n khoản 2 điều 249 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị C từ **07** đến **07** năm **06** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu nâu – hồng.

Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu đỏ - sẫm.

Trả cho ông Lương Ngọc T số tiền 2.816.000^{đ}, vì đây không phải là tiền do phạm tội mà có.

Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân nghiện chất ma túy, không kìm chế được hành vi, nên mới mua ma túy về cất giấu để sử dụng dần, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng cũng như khung hình phạt đã đề nghị. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, là phụ nữ không được đi học nên không biết chữ dẫn đến nhận thức về pháp luật còn hạn chế; Nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, xử bị cáo hình phạt phù hợp, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập thường xuyên.

Đối với số tiền 2.816.000^{đ} bị cáo trình bày đây là tiền bị cáo bán luồng mà có và tiền con gái của bị cáo gửi bị cáo để mua đồ dùng sinh hoạt cho cháu; Bị cáo đã ủy quyền cho chồng là người được quyền tham gia để giải quyết số tiền này, xét thấy số

tiền này là tài sản hợp pháp của vợ chồng bị cáo, con bị cáo, nên trả lại số tiền này.

Ông Lương Ngọc T trình bày: Ông đã nhận ủy quyền từ vợ về việc tham gia tố tụng để giải quyết số tiền bị thu giữ, nay ông đề nghị được xin lại số tiền này.

Chị Lương Thị T trình bày: Do chị đi làm ăn xa nên đa gửi tiền cho bố mẹ mua đồ sinh hoạt cho con với số tiền là 800.000đ, nên đề nghị HĐXX trả lại số tiền này cho bố là Lương Ngọc Thuần để nuôi cháu.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình ý kiến của bào chữa, không bổ sung thêm gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị của người bào chữa, lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định như sau:

[1]Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều huyện Quan Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và Người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ; yêu cầu; đề nghị của Kiểm sát viên; hành vi của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của người tham gia tố tụng khác; phù hợp thời gian, địa điểm và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào hồi 20^{h}00’ ngày 21/7/2020, khi Phạm Thị C đang tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân, khi nhìn thấy Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa đi tuần tra, kiểm soát thì đã cầm vứt 01 túi xách màu nâu qua cửa sổ để phi tang. Tổ công tác đã thu giữ tại nơi bị cáo ngồi 02 giấy màu trắng, bên trong có ma túy, yêu cầu bị cáo nhặt túi xách lên để kiểm tra thì bên trong túi xách có nhiều loại ma túy khác nhau, bị cáo khai nhận tất cả số ma túy bị thu giữ là ma túy của bị cáo, đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá

3.000.000đ để sử dụng dần, vì bị cáo là người nghiện ma túy. Quá trình giám định, số ma túy thu giữ của bị cáo ngày 21/7/2020 có tổng trọng lượng là 0,446g hêrôin và 18,174g Methamphetamine; các chất ma túy này đều được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS, nhưng bị cáo đã tàng trữ 02 chất ma túy và được cộng dồn là 18,620g, nên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Phạm Thị C đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm n khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc vào ma túy, ma túy hủy hoại cả thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân, hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bản thân là phụ nữ, không được đi học, nên không biết chữ, dẫn đến hạn chế về nhận thức pháp luật. Vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Quan Hóa thực hành quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ.....". Nhưng xét bị cáo làm nghề trồng trọt, nương rẫy, không có thu nhập, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án và chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 túi sách màu nâu - hồng đây là dụng cụ bị cáo dùng cất giấu ma túy, nên tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 ví da màu đỏ-sẫm đây không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, nên trả lại cho bị cáo;

Đối với số tiền 2.816.000đ (Hai triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) thu giữ của bi cáo, đây không phải là tiền do phạm tội mà có; Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa thì bị cáo đã ủy quyền cho ông Lương Ngọc T (là chồng của bị cáo) tham gia tố tụng để giải quyết phần tài sản này, nên HĐXX chấp nhận trả số tiền này cho ông Lương Ngọc T.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội, nên Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, nhưng bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ, của người này, nên không thể xác minh làm rõ để xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị C** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Phạm Thị C 07** (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (21/7/2020).

Vật chứng:Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Hà Văn Bơi, Trần Thị Thúy Hằng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa là mẫu vật còn lại sau giám định.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi sách màu nâu – hồng

Trả lại 01 ví da màu đỏ- sẫm cho bị cáo Phạm Thị Chừng.

Trả lại 2.816.000đ (Hai triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) cho ông Lương Ngọc T, sinh năm 1960, trú tại: Bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (Số tiền này hiện đang được lưu giữ trong Tài khoản tiền gửi số 3949.0.1053937 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, theo giấy Ủy nhiệm chi ngày 11/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa).

Tất cả các chứng, đồ vật, tài sản kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng,

tài sản ngày 11/11/2020 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23, điều 26, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Buộc bị cáo Phạm Thị C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Phòng Hồ sơ NV- Công an H. Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa;
- Bị cáo Phạm Thị C;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng